

**QUY CHẾ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2015/NVS/NQ-ĐHĐCĐ ngày [.]06/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank)*

**CHƯƠNG I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Mục đích và phạm vi áp dụng**

- 1.1. Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (“**Ban kiểm soát**”) do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank (“**Công ty**”) bầu ra, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (và các bản sửa đổi, bổ sung, nếu có).
- 1.2. Quy chế Hoạt động của Ban kiểm soát nhằm hướng dẫn, giải thích và cụ thể hóa các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát đã quy định tại Điều lệ của Công ty.
- 1.3. Quy chế này áp dụng cho hoạt động của Ban kiểm soát và tất cả các Kiểm soát viên của Công ty.

**Điều 2. Tổ chức và nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát**

- 2.1. Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2.2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.
- 2.3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 2.4. Ban kiểm soát phải xây dựng quy trình kiểm soát và phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên thông qua.
- 2.5. Đối với Ban kiểm soát có từ 02 (hai) thành viên trở lên, Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định.
- 2.6. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty, dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, Ban

kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu giải trình trong thời gian nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm.

2.7. Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn.

## **CHƯƠNG II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên**

- 3.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- 3.2. Không phải thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- 3.3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Kế toán trưởng;
- 3.4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;
- 3.5. Trưởng Ban kiểm soát của Công ty không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

#### **Điều 4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát**

- 4.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 4.2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

- 5.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- 5.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 5.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
- 5.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 5.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.
- 5.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- 5.7. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 5.8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 5.9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 5.10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 5.11. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 5.12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 5.13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 5.14. Được hưởng thù lao và các lợi ích khác theo quy định của Công ty.

## **Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

- 6.1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành

viên Hội đồng quản trị.

- 6.2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.
- 6.3. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- 6.4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
- 6.5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

- 7.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 7.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 7.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 7.4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 7.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 7.1, 7.2, 7.3 và 7.4 nêu trên mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.
- 7.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

#### **Điều 8. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

- 8.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- 8.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại

hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- 8.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

### **CHƯƠNG III**

#### **HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 9. Hình thức kiểm soát**

- 9.1. Kiểm soát gián tiếp là hình thức kiểm soát chủ yếu, dựa trên báo cáo tài chính, báo cáo của Tổng giám đốc và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật, theo quy định của Hội đồng quản trị.
- 9.2. Kiểm soát trực tiếp thông qua kiểm tra trực tiếp tại các đơn vị chức năng liên quan của Công ty. Đây là giải pháp nhằm bổ sung cho hình thức kiểm soát gián tiếp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát.

##### **Điều 10. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát**

- 10.1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Trường hợp các thành viên của Ban kiểm soát chưa thống nhất kết luận về vấn đề nào đó trong quá trình kiểm soát thì sẽ lấy ý kiến biểu quyết đa số. Những thành viên chưa thống nhất ý kiến đa số có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông xem xét, xử lý. Trong thời gian chưa có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì vẫn chấp hành theo quyết định đa số của Ban kiểm soát.
- 10.2. Trưởng Ban kiểm soát trực tiếp chủ trì kiểm soát những vụ việc phức tạp và có trách nhiệm tổ chức, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về mọi hoạt động của Ban.
- 10.3. Những vụ việc kiểm soát mang tính chất phức tạp và diện rộng, Ban kiểm soát có thể thông báo với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để huy động thêm sự tham gia của một số cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất trong Công ty để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- 10.4. Những vụ việc phải liên hệ với các tổ chức, cá nhân bên ngoài Công ty để phục vụ công tác kiểm soát thì cần phải được thông báo tới Hội đồng quản trị.
- 10.5. Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát thường xuyên, định kỳ (có trọng tâm và trọng điểm). Kiểm soát những nội dung đã có chương trình, kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trước khi tiến hành kiểm soát phải thông báo trước cho Hội đồng quản trị và các đối tượng bị kiểm soát về nội dung, chương trình, thời gian làm việc. Khi cần thiết sẽ tiến hành kiểm soát đột xuất nhưng phải được thông báo trước tới Hội đồng quản trị.
- 10.6. Những vụ việc kiểm soát đột xuất, Kiểm soát viên được phân công có thể thông báo cho đối tượng bị kiểm soát bằng văn bản hoặc thông báo, trao đổi trực tiếp.
- 10.7. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.
- 10.8. Hoạt động hành chính của Ban kiểm soát theo quy định chung của Công ty và do bộ phận

hành chính phục vụ. Chi phí hoạt động chung của Ban kiểm soát bao gồm chi phí cho hoạt động văn phòng, chi phí thuê tư vấn, kiểm toán, công tác phí và các chi phí khác được tính vào chi phí chung của Công ty trên cơ sở hợp lý, hợp lệ và theo nguyên tắc tài chính của Công ty và Nhà nước quy định.

### **Điều 11. Thời gian làm việc của Ban kiểm soát**

- 11.1. Ban kiểm soát họp tối thiểu 06 (sáu) tháng một lần do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức hoặc người được ủy quyền Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.
- 11.2. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Công ty. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị
  - b. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị
  - c. Trưởng Ban kiểm soát
  - d. Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên
  - e. Tổng giám đốc
- 11.3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, d, e của Điều 11.2 này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc, và/hoặc xem xét quyết định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có) và xem xét việc bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
- 11.4. Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số Kiểm soát viên tham dự. Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc một địa điểm khác do các Kiểm soát viên thống nhất. Cuộc họp Ban kiểm soát có thể theo hình thức họp mặt trực tiếp hoặc có thể thông qua các hình thức khác như điện thoại, internet... Việc tham gia các cuộc họp của các Kiểm soát viên thông qua các phương tiện điện thoại, internet... được coi là đã tham dự và cần được ghi lại trong Biên bản họp.

### **Điều 12. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban kiểm soát**

- 12.1. Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các Kiểm soát viên, bộ phận giúp việc cho Ban kiểm soát (nếu có) chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.
- 12.2. Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền thông báo mời họp tới các Kiểm soát viên. Trong trường hợp không thể dự họp, Kiểm soát viên có quyền gửi phiếu biểu quyết hoặc ý kiến bằng văn bản cho Ban kiểm soát trước khi họp.

### **Điều 13. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát**

- 13.1. Mỗi Kiểm soát viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Kiểm soát viên có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát



- quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó.
- 13.2. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại cuộc họp liên quan đến quyền lợi của Kiểm soát viên hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của Kiểm soát viên và những nghi ngờ đó không được Kiểm soát viên đó tự nguyện giải quyết bằng các chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của Kiểm soát viên có liên quan đó chưa được biết rõ.
  - 13.3. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản gửi trước cuộc họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.
  - 13.4. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản đề thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua với các Kiểm soát viên tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường.
  - 13.5. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các Kiểm soát viên nếu thấy cần thiết. Phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng Kiểm soát viên trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.
  - 13.6. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Kiểm soát viên nếu được đa số các Kiểm soát viên có quyền tham gia biểu quyết tán thành với vấn đề đưa ra xin ý kiến.
  - 13.7. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.
    - b. Mục đích lấy ý kiến.
    - c. Họ tên và địa chỉ liên lạc của Kiểm soát viên.
    - d. Vấn đề cần lấy ý kiến.
    - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
    - f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty.
    - g. Họ tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

#### **Điều 14. Biên bản họp của Ban kiểm soát**

- 14.1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, được tất cả các Kiểm soát viên tham dự cuộc họp ký tên và liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người được ủy quyền chỉ định theo từng phiên họp.
- 14.2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các Kiểm soát viên và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

## CHƯƠNG IV

### CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN, MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### Điều 15. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

- 15.1. Các Kiểm soát viên được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo.
  - b. Báo cáo của Tổng giám đốc trình gửi Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
  - c. Các Nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng quản trị.
- 15.2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- 15.3. Nếu một thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát, thành viên này phải báo cáo với trưởng Ban kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban kiểm soát sẽ thông báo cho Kiểm soát viên có liên quan.
- 15.4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và các địa điểm khác, có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên Công ty làm việc.

#### Điều 16. Bảo mật thông tin

- 16.1. Các Kiểm soát viên xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là Kiểm soát viên với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật theo quy định của Công ty và Pháp luật.
- 16.2. Các Kiểm soát viên không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu của Công ty và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Công ty, hoặc các thông tin mà Công ty chưa công bố ra bên ngoài.
- 16.3. Các Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ các quy định nội bộ của Công ty, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

#### Điều 17. Các mối quan hệ của Ban kiểm soát

- 17.1. Đại hội đồng cổ đông

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.
- 17.2. Quan hệ với HĐQT
  - a. HĐQT chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý Công ty.
  - b. HĐQT có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
  - c. Ban kiểm soát kiến nghị và đề xuất với HĐQT để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi



phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các vi phạm về tài chính.

- d. Khi nhận được kết quả kiểm tra, HĐQT sẽ xem xét để đưa ra kết luận và quyết định xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của HĐQT.

### 17.3. Quan hệ với Ban Giám đốc

- a. Ban Giám đốc chịu sự giám sát của Ban kiểm soát trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- b. Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị thuộc Công ty cung cấp đầy đủ các số liệu, tài liệu, thông tin và giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- c. Định kỳ hàng tháng, quý, năm, Tổng giám đốc gửi tới HĐQT các báo cáo về kết quả tự đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện kế hoạch, kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được phê duyệt thì đồng thời chuyển cho Ban kiểm soát một bản để làm cơ sở kiểm soát.
- d. Căn cứ kết quả kiểm tra, kiểm soát, Ban kiểm soát kiến nghị đề xuất với Tổng giám đốc Công ty để kịp thời xử lý, chấn chỉnh những vi phạm, sai sót trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- e. Khi nhận được kết quả kiểm tra, Tổng giám đốc Công ty sẽ xem xét để đưa ra kết luận và kiến nghị xử lý. Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các kết luận và quyết định xử lý của Tổng giám đốc.
- f. Tổng giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của Ban kiểm soát, cử cán bộ có đủ năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Ban kiểm soát tham gia cùng đoàn kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết.

### 17.4. Quan hệ với các phòng ban bộ phận điều hành, tác nghiệp:

- a. Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu và những phương tiện phục vụ công tác kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu của Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra và ý kiến của Tổng giám đốc.
- b. Phụ trách các phòng ban được kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước HĐQT về tính đầy đủ, trung thực và hợp pháp của các tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát, đoàn kiểm tra.
- c. Phụ trách các phòng ban phải ký và đóng dấu xác nhận vào biên bản kiểm tra do Ban kiểm soát lập, ghi rõ ý kiến của đơn vị đối với những ý kiến nhận xét, kiến nghị của Ban kiểm soát.
- d. Thực hiện các kết luận và chỉ đạo của Hội đồng quản trị trên cơ sở báo cáo của Ban kiểm soát đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt.
- e. Phụ trách các phòng ban có trách nhiệm thông báo cho Ban kiểm soát khi phát hiện có

các sai phạm, rủi ro, thất thoát về tài sản tại đơn vị mình.

- f. Nhằm mục đích kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng cho khách hàng theo các sản phẩm dịch vụ của Công ty, Bộ phận Kiểm soát nội bộ định kỳ hàng tuần gửi Ban kiểm soát Báo cáo tài sản ròng/tổng tài sản với những khách hàng có dư nợ trên 500 (năm trăm) triệu đồng.

Hàng tháng, quý và năm, Bộ phận Kiểm soát nội bộ của Công ty có trách nhiệm gửi cho Ban kiểm soát về tổng hợp nội dung kiểm tra, kiểm soát được thực hiện trong kỳ, các kiến nghị, đề xuất (nếu có) nhằm ngăn ngừa khắc phục các vi phạm.

## **CHƯƠNG V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 18. Hiệu lực và sửa đổi, bổ sung**

- 18.1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 18.2. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa Quy chế này với Điều lệ Công ty về cùng một vấn đề, thì các quy định của Điều lệ Công ty sẽ được ưu tiên áp dụng.
- 18.3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát và chỉ có hiệu lực khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 18.4. Các Kiểm soát viên, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận, các nhân viên liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Quy chế này gồm 5 Chương và 18 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Navibank thông qua ngày [...] tháng 06 năm 2015.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Phan Anh Tuấn**